

# Đầu nối camlock dành cho đường ống nhà máy KAMLOK® 633 SERIES

Đã đăng ký sáng chế

Loại Đầu cái

Có thể lắp đặt tại nơi làm việc

Dùng lại được

## Tay khóa dừng ở 45°! Ngăn ngừa tai nạn

### Điểm nổi bật Mẹo hữu ích

#### 1 Cấu trúc tay khóa kép ngăn tuyệt ống ngoài ý muốn do hiện tượng rung lắc gây ra

#### KAMLOK an toàn và đảm bảo! Tay khóa dừng ở 45°!

- Hệ thống siết chặt hai bước với hình dạng tay khóa kép độc đáo ngăn tuyệt đầu nối.
- Ngay cả khi tay khóa bị lỏng do hiện tượng rung lắc, v.v., tay khóa kép của KAMLOK vẫn dừng ở 45° và giữ chắc đầu đực để ngăn rò rỉ chất dẫn.
- Thuận tiện với khả năng lắp đặt và tháo rời dễ dàng cũng như tính an toàn, đáng tin cậy và tốc độ!
- Có thể tiến hành lắp đầu nối trơn tru mà không chạm vào vòng tay khóa giữa các ống mềm.

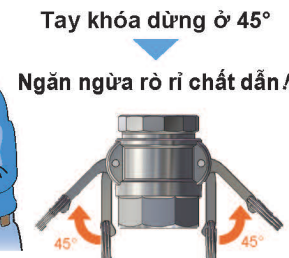
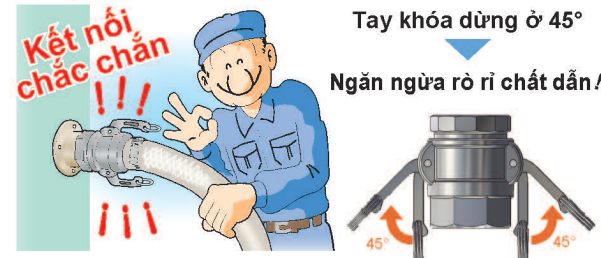
※ Điều này không ngăn ngừa được toàn bộ sự cố tuyệt đầu nối ngoài ý muốn. Để đảm bảo an toàn hơn, nên sử dụng loại TWINLOK (trang 97)



#### Tay khóa thông thường



#### Tay khóa cánh cam kép



Vòng có thể tiếp xúc và làm tay khóa không đóng được.



#### 2 Tiết kiệm nhiều thời gian

Để tháo, bạn chỉ cần lắp đầu đực vào đầu cái và kéo tay khóa của đầu cái. Việc này chỉ mất vài giây, nên có thể tiết kiệm đáng kể thời gian so với hệ thống khớp nối ren.

#### 3 Cắt giảm chi phí

Việc tháo có thể do một vận hành viên tiến hành và có thể căn chỉnh ở bất kỳ vị trí nào, vì vậy không cần kỹ sư giàu kinh nghiệm và cũng không có nguy cơ thao tác nhầm. Hơn nữa, phần ren cũng ít bị mòn và xước hơn, điều thường gặp ở hệ thống khớp nối ren và trên ống cũng ít hư hỏng hơn. Nên bạn có thể cắt giảm chi phí bảo dưỡng và quản lý cũng như chi phí nhân công.

#### 4 Vô cùng an toàn

KAMLOK không chỉ có khả năng chống lọt khí cao mà còn ngăn ngừa được rò rỉ (thường thấy ở hệ thống khớp nối ren do hao mòn và nguy cơ siết không chặt), do vậy, ngăn ngừa được nguy cơ hỏa hoạn/nổ hoặc ô nhiễm không khí.

#### 6 Sản phẩm này có thể xử lý bất kỳ chất dẫn nào

Vật liệu có sẵn bao gồm hợp kim nhôm, thép không gỉ, polipropilen và đồng thếp, có thể chọn chất liệu theo chất dẫn, bột và vật liệu dạng hạt, khí, v.v.

#### 5 Duy trì được chất lượng sản phẩm khi đang vận chuyển

Trong ngành thực phẩm, KAMLOK thép không gỉ được sử dụng rộng rãi. Vì công việc tháo dỡ có thể tiến hành trong vài giây nên hiện tượng suy giảm chất lượng sản phẩm được ngăn ngừa và sự cố thất thoát sản phẩm do rò rỉ được giảm thiểu.

#### 7 Độ bền và tính tương thích vượt trội

KAMLOK được sản xuất theo tiêu chuẩn A-A-59326 (MIL-C-27487) nghiêm ngặt để đạt yêu cầu về độ bền, khả năng chịu áp lực, chịu nhiệt và chống han gỉ. Hơn nữa, sản phẩm còn có tính kinh tế vì có thể kết nối với bất kỳ loại nào miễn là cùng đường kính.

### Thông số của đầu cái KAMLOK 633 SERIES có phần kết nối ống dạng đuôi chuột

Vật liệu	Mã sản phẩm	Đường kính danh định		Kích thước (mm)								Đơn vị đóng gói
		Inch	mm	A	B	C	E	G	K	L	pc	
Hợp kim nhôm <b>RoHS2</b>	633-C 3/4AL	3/4"	20	109	61	41	15	21	51	94	36	
	633-C 1AL	1"	25	130	67	47	20	27	58	110	30	
	633-C1-1/4AL	1-1/4"	32	179	79	58	26	34	59	121	20	
	633-C1-1/2AL	1-1/2"	40	187	87	65	33	40	74	136	20	
	633-C 2AL	2"	50	196	96	75	44	53	87	157	12	
	633-C2-1/2AL	2-1/2"	65	208	108	90	56	67	93	160	9	
	633-C 3AL	3"	80	249	137	108	69	79	113	185	6	
	633-C 4AL	4"	100	277	166	140	91	105	127	200	4	
	633-C 5AL	5"	125	302	191	165	114	134	127	189	3	
	633-C 6AL	6"	150	409	255	198	142	157	146	214	2	
Thép không gỉ <b>RoHS2</b>	633-C 3/4SST	3/4"	20	109	61	41	14	21	51	94	36	
	633-C 1SST	1"	25	130	67	47	20	27	58	110	30	
	633-C1-1/4SST	1-1/4"	32	179	79	58	25	34	59	121	20	
	633-C1-1/2SST	1-1/2"	40	187	87	65	32	40	74	136	20	
	633-C 2SST	2"	50	196	96	75	43	52	87	157	12	
	633-C2-1/2SST	2-1/2"	65	208	108	90	55	67	93	160	9	
	633-C 3SST	3"	80	249	137	108	68	79	113	185	6	
	633-C 4SST	4"	100	277	166	140	89	105	127	200	4	
	633-C 5SST	5"	125	302	191	165	114	134	127	189	3	
	633-C 6SST	6"	150	409	255	198	142	157	146	214	2	
Polipropilen (kết hợp sợi thủy tinh) <b>RoHS2</b>	633-C 3/4PP	3/4"	20	109	61	57	14	21	51	97	36	
	633-C 1PP	1"	25	130	67	64	20	27	58	115	25	
	633-C1-1/2PP	1-1/2"	40	187	87	82	29	40	74	141	15	
	633-C 2PP	2"	50	196	96	94	40	52	87	162	12	
	633-C 3PP	3"	80	249	137	130	65	79	113	187	6	
Đồng	633-C 3/4BR	3/4"	20	109	61	41	14	21	51	83	36	
	633-C 1BR	1"	25	130	67	47	20	27	57	98	30	
	633-C1-1/4BR	1-1/4"	32	179	79	58	25	34	59	105	20	
	633-C1-1/2BR	1-1/2"	40	187	87	65	32	41	74	120	20	
	633-C 2BR	2"	50	196	96	75	44	53	87	139	12	
	633-C2-1/2BR	2-1/2"	65	208	108	90	57	67	80	135	9	
633-C 3BR	3"	80	249	137	108	68	79	102	161	6		
633-C 4BR	4"	100	277	166	140	89	105	108	167	4		

Vật liệu/Tay khóa: SCS14 (tương đương SUS316), Chốt, Vòng: SUS304, Miếng đệm: Buna-N (NBR)

※ Sản phẩm tuân thủ các quy định RoHS2 đã sửa đổi

⚠️ **Hãy đảm bảo kiểm tra "Biện pháp phòng ngừa để đảm bảo sử dụng an toàn" trên trang 171.**